

Số: 93 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể,
hợp tác xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác;

Căn cứ Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 08/TTr-KHĐT.ĐKKD ngày 15/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (Chương trình chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Giao thông vận tải, Xây dựng; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh; Liên minh hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *md*

- Như Điều 2;
- TT.Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH
Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể,
hợp tác xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. QUAN ĐIỂM

1. Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể (KTTH), hợp tác xã (HTX) phải phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã cam kết.

2. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã phải dựa trên nội lực của tổ chức là chính, Trung ương, tỉnh chỉ tập trung hỗ trợ một số chính sách và bố trí ngân sách để tạo điều kiện cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển.

3. Ưu tiên hỗ trợ phát triển tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, hợp tác xã liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và có tác động lớn tới thành viên, cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hỗ trợ, phát triển khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó đặc biệt chú trọng đến nâng cao chất lượng hoạt động, hỗ trợ thành viên thông qua việc nâng cao nhận thức của toàn dân về kinh tế tập thể, hợp tác xã; đồng thời, tăng cường năng lực của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã nhằm phát huy hơn nữa vai trò liên kết, hợp tác, hỗ trợ thành viên và cộng đồng khu vực; tăng cường năng lực cạnh tranh của kinh tế hộ gia đình, đặc biệt là kinh tế hộ nông dân trong điều kiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Thành lập mới 100 HTX (trong đó có 75 HTX nông nghiệp, 25 HTX phi nông nghiệp), 100 THT và 03 LH HTX trong lĩnh vực nông nghiệp; thu hút thêm 1.500 thành viên tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể.

b) Phấn đấu 100% số hợp tác xã hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

c) 60% tổng số hợp tác xã hoạt động từ loại khá trở lên; 20% cán bộ quản lý HTX tốt nghiệp đại học, cao đẳng trở lên trong tất cả các ngành, lĩnh vực.

d) Phấn đấu có trên 15 HTX ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp.

đ) Giải thể 100% đối với những hợp tác xã không hoạt động, khó khăn trong giải thể theo quy định của Luật hợp tác xã. Cùng cố, phát triển các hợp tác xã có liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể khác.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã

a) Đối tượng hỗ trợ

- Hợp tác xã đang hoạt động, hoạt động kém hiệu quả nhưng có tiềm năng phát triển hoặc có nhu cầu phát triển, mở rộng.
- Hợp tác xã được thành lập từ việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.
- Người dân có nhu cầu thành lập tổ chức kinh tế tập thể.

b) Nội dung hỗ trợ

- Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã.
- Hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã cho phù hợp với các quy định hiện hành.

c) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Ngân sách địa phương bảo đảm 100%

2. Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể

a) Đối tượng hỗ trợ

- Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã.
- Công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tại các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*bao gồm: Công chức chuyên trách và công chức kiêm nhiệm*).
- Công chức, viên chức của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.
- Giảng viên về kinh tế tập thể trong các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Được tổ chức kinh tế tập thể, đơn vị chủ quản cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của đơn vị; đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có năng lực và trình độ phù hợp với khóa học.
- Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện trên, đối tượng được hỗ trợ phải dưới 50 tuổi và cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực kinh tế tập thể ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết; đối với cán bộ, công chức, viên chức phải đảm bảo các quy định về đối tượng, điều kiện cử đi đào tạo dài hạn bằng nguồn kinh phí nhà nước hỗ trợ được thực hiện theo quy định.

c) Nội dung hỗ trợ

- Đào tạo
- + Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo; kinh phí mua giáo trình của khóa học; chi phí ăn, ở.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: cấp học bổng đào tạo, nghiên cứu dài hạn trong nước và nước ngoài về hợp tác xã và các chuyên ngành hỗ trợ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Học bổng bao gồm: Toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định.

+ Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến về kinh tế tập thể, bao gồm: Xây dựng khung, nội dung chương trình đào tạo trực tuyến; triển khai thực hiện đào tạo trực tuyến về kinh tế tập thể; xây dựng, vận hành và duy trì trang thông tin điện tử về đào tạo trực tuyến.

- Bồi dưỡng

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Chi phí đi lại từ trụ sở đến cơ sở bồi dưỡng (*trừ vé máy bay*); kinh phí mua tài liệu của chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát; chi phí ăn, ở theo định mức được áp dụng tương tự như đối với công chức nhà nước.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: Cấp học bổng bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài (*bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định của chế độ tài chính hiện hành*) và tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước.

- Hỗ trợ đưa lao động trở về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: Hỗ trợ lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể.

d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ

- Đào tạo:

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách địa phương bảo đảm 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

+ Đối với công chức, viên chức các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.

- Bồi dưỡng

+ Đối với thành viên, người lao động tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách Trung ương bảo đảm 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; hỗ trợ 90% phí ăn ở đối với các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 80% đối với các tổ chức kinh tế tập thể khác.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.

- Đối với lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách địa phương hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.

3. Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể

a) Đối tượng hỗ trợ

- Các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.

- Cá nhân, tổ chức liên quan đến hình thành, tổ chức, quản lý và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể.

b) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, vận hành và duy trì Trang tin điện tử (*Website*) về kinh tế tập thể, trong đó có: Thông tin về thị trường, khoa học công nghệ; trao đổi - tư vấn pháp luật, chính sách; quan hệ thông tin với các nước, các tổ chức quốc tế liên quan; kết nối với các trang tin về đăng ký hợp tác xã, đào tạo trực tuyến, sàn giao dịch điện tử.

- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về kinh tế tập thể kết nối với hệ thống đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính về báo cáo kiểm toán (nếu có).

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% cho xây dựng và vận hành hệ thống website, cơ sở dữ liệu.

4. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

a) Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.

b) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh, OCOP.

c) Nội dung hỗ trợ

- Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước; chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng một số trung tâm xúc tiến thương mại (*bán và giới thiệu sản phẩm*); hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể tại các địa phương.

- Xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể.

d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ

- Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ hợp tác xã trong việc

đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử; xây dựng một số trung tâm xúc tiến thương mại của các tổ chức KTTT và kinh phí duy trì, vận hành trung tâm trong 03 năm đầu, các năm tiếp theo do các trung tâm tự chủ.

5. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

a) Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*gọi chung là hợp tác xã*) hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

b) Cơ chế đầu tư

- Điều kiện hỗ trợ

+ Hợp tác xã căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi cấp chính quyền địa phương nơi hợp tác xã tổ chức sản xuất, kinh doanh.

+ Ưu tiên các hợp tác xã có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị.

- Nội dung hỗ trợ

+ Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp (*bao gồm: cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp*).

+ Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản bao gồm: Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (*ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm*), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè.

- Nguồn vốn và mức hỗ trợ

+ Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, vốn hợp tác xã và vốn hợp pháp khác.

+ Mức hỗ trợ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100%; căn cứ mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, vốn đề xuất đối ứng của hợp tác xã, vốn từ các nguồn hợp pháp khác và tính chất của dự án/phương án cấp chính quyền địa phương xem xét, quyết định mức hỗ trợ cho dự án/phương án từ nguồn ngân sách địa phương.

Đối với dự án có tính chất liên vùng, khu vực do các bộ, cơ quan trung ương quản lý: Ngân sách trung ương đầu tư tối đa 100% tổng mức đầu tư của dự án. - Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua cấp chính quyền địa phương xây dựng, mua sắm, bàn giao cho hợp tác xã; trường hợp hợp

tác xã có đủ năng lực, cấp có thẩm quyền xem xét giao cho hợp tác xã tự thực hiện dự án, mua sắm với tổng mức vốn dưới 03 tỷ đồng.

c) Cơ chế quản lý sau đầu tư

Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã. Hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đã tiến hành đăng ký thành lập quản lý.

6. Các hỗ trợ khác đối với khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã thực hiện theo quy định hiện hành

IV. KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình

a) Nguồn kinh phí

- Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện Chương trình.

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

- Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và kinh phí hợp pháp khác.

- Kinh phí huy động, đóng góp từ các tổ chức kinh tế tập thể.

b) Dự kiến kinh phí (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

- Tổng kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2023-2025 dự kiến: 140.014.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tỷ, không trăm mười bốn triệu đồng chẵn).

2. Tổ chức thực hiện

a) Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức lồng ghép triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ để thực hiện Chương trình trong Kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm giai đoạn 2021 - 2025; chủ động tranh thủ, vận động nguồn vốn từ Trung ương để thực hiện Chương trình.

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình.

- Triển khai xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể khi có hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các Sở, Ban, Ngành đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Chương trình; hàng năm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kết quả thực hiện Chương trình.

c) Sở Tài chính chịu trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Hàng năm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí triển khai thực hiện sau khi Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

d) Các Sở, ban, ngành, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, HTX theo lĩnh vực quản lý nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tham gia thực hiện một số nội dung hỗ trợ của Chương trình phù hợp lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí của đơn vị gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để tổng hợp chung.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên ngành việc thực hiện Chương trình, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Liên minh Hợp tác xã tỉnh chịu trách nhiệm

- Xây dựng kế hoạch và nhu cầu kinh phí gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tham gia thực hiện một số nội dung của Chương trình như: Tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã; bồi dưỡng thành viên, người lao động hợp tác xã; nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

e) Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Ủy ban MTTQ và các tổ chức thành viên tổ chức tập huấn, tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân về nội dung chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2023-2025 gắn với nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch, nhu cầu kinh phí, lựa chọn mô hình điểm tại khu dân cư.

- Phối hợp giám sát thực hiện các nội dung liên quan đến Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

g) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm

- Tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo các nội dung của chương trình gửi về các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

- Tổng hợp nhu cầu, cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách trung hạn và hàng năm của địa phương.

- Căn cứ điều kiện của địa phương, chủ động xây dựng chương trình hỗ trợ khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.



PHỤ LỤC

KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Kèm theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung hỗ trợ	Cách thức tính kinh phí/ Căn cứ	Đơn vị tính							Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì
				2023		2024		2025				
				Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí			
1	2	3	4	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ				46.638		46.738		46.638	140.014		
I	Thành lập mới, củng cố tổ chức KTTT, HTX				325		325		325	975		
1	Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về KTTT, HTX	Liên minh HTX đề xuất	Lớp	8	260	8	260	8	260	780	NSDP	Liên minh HTX tỉnh
2	Hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức KTTT, HTX cho phù hợp với các quy định hiện hành	Liên minh HTX đề xuất	HTX	2	65	2	65	2	65	195	NSDP	Liên minh HTX tỉnh
II	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT				1.753		1.753		1.753	5.259		

1	Đào tạo			7	850	7	850	7	850	2.550		
	Đối với thành viên, người lao động của tổ chức KTTT	Sở NN&PTNT đề xuất	Lớp	5	600	5	600	5	600	2400	NSDP	Liên minh HTX tỉnh; Sở Nông nghiệp & PTTN
		Liên minh HTX đề xuất	Lớp	2	250	2	250	2	250	1000	NSDP	
2	Bồi dưỡng				550		550		550	1.650		
a	Đối với thành viên, người lao động của tổ chức KTTT	Sở NN&PTNT đề xuất	Lớp	3	200	3	200	3	200	600	NSDP	Liên minh HTX tỉnh; Sở Nông nghiệp & PTTN
		Liên minh HTX đề xuất		2	250	2	250	2	250	750		
b	Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh HTX, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội	Tạm tính	Lớp	2	100	2	100	2	100	300	NSDP	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức KTTT	Định mức BN 3,92 triệu x 12 tháng x 1.5	Người	5	353	5	353	5	353	1.059	NSDP	Sở Nông nghiệp và PTNT

III	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường				3.110		3.110		3.010	9.230		
1	Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm trong nước	Sở NN&PTNT đề xuất	HTX	3	60	3	60	3	60	180	NSDP	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp &PTTN; Liên minh HTX tỉnh
		Liên minh HTX đề xuất		30	1.000	30	1.000	30	1.000	3.000		
2	Hỗ trợ Xây dựng một số điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm; Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm	Chi đầu tư cơ sở vật chất, mức hỗ trợ không quá 200tr.đ/1điểm	HTX	2	400	2	400	2	400	1.200		
3	Hỗ trợ xây dựng Website thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể		HTX	10	150	10	150	10	150	450		
4	Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc	Sở NN&PTNT đề xuất	Sản phẩm	20	300	20	300	20	300	900	NSDP	Nông nghiệp &PTNT
5	Hỗ trợ chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm		Sản phẩm	4	1.200	4	1.200	4	1.100	3.500		

IV	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm				41.450		41.550		41.550	124.550		
1	Hỗ trợ xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị	Sở NN&PTNT đề xuất			20.000		20.000		20.000	60.000	NSDP, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Hỗ trợ xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, ngư nghiệp		3		1.450	3	1.550	3	1.550	4.550		
3	Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản				20.000		20.000		20.000	60.000		